

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 3 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền

Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt);

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị H kết hôn ngày 22/02/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị H nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Phạm Thị Huỳnh Trân, sinh ngày 18/11/2013, hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trân, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị H để tham dự phiên tòa nhưng chị H không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H về các nội dung khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị H xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị H nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về phía chị H, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng chị H không có mặt, điều này cho thấy chị H không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh T.

Do anh T và chị H đã sống ly thân, không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định anh T và chị H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T và chị H ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Phạm Thị Huỳnh Trân, sinh ngày 18/11/2013, hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trân. Xét thấy, từ khi anh T và chị H sống ly thân đến nay, cháu Trân do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; hơn nữa cháu Trân cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Trân, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Trân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải cấp dưỡng cho cháu Trân.

[4] Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị H về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Trần Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr mà không ai được cản trở; chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Tr được sống chung với anh T; chị H không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 06/02/2023 anh T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006125 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Văn T và bị đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà